TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2023/QĐST-HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 24 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST–HN&GĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N , sinh năm 1991;

ĐKNKTT : Xóm Làng Đanh, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1990;

ĐKNKTT : Xóm Cầu Dài, xã Thành Công, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Đều nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn H thống nhất thoả thuận như sau:

Về công sức đóng góp trong thời gian chị Ngọc làm dâu: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện trích trả công sức cho chị N số tiền: 30.000.000đ (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn).

Thời gian trích trả: Anh Nguyễn Văn H thoả thuận có nghĩa vụ trích trả chị Hà Thị N , số tiền 30.000.000đ (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn) làm một lần vào ngày 30/6/2023 (dương lịch).

Về lãi suất chậm thi hành án của khoản trích trả: Chị N và anh H thống nhất thỏa thuận không tính lãi suất khoản tiền trích trả công sức xây dựng cho chị N nếu anh H không trả đúng hạn mà chị N phải đề nghị thi hành án.

Về tài sản khác: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. Về khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận: chị N tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị N được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). theo biên lai thu số 0001357 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Chị N được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí trích trả: Do các bên đương sự thoả thuận trước khi Toà án tiến hành hoà giải nên không phải chịu án phí phần trích trả tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND T.P Phổ Yên;
- THADS T.P Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Thành Công;
  (ĐKKH số 36, ngày 27/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà